

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07/19/CBTT/TĐS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN (SEASPIMEX)**

Mã chứng khoán: **SPV**

Trụ sở chính: 51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 37608215

Fax: (84-8) 37608213

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Công Đức

Địa chỉ: 121 đường D2, Phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84-8) 37608215

Fax: (84-8) 37608213

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo địa chỉ: www.seaspimex.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

* **Tài liệu đính kèm:**

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.



LÊ CÔNG ĐỨC

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX – VIETNAM**

----- oOo -----



SEASPIMEX®

TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2019

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2019

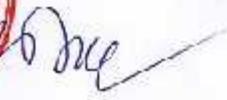
MỤC LỤC
TÀI LIỆU HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

----- 000 -----

STT	NỘI DUNG
1.	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
2.	Dự thảo Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
3.	Báo cáo của Ban TGD về kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch năm 2019
4.	Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch năm 2019
5.	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018
6.	Tờ trình v/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018
7.	Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019
8.	Tờ trình v/v chi trả thù lao của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019. Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2018
9.	Tờ trình v/v lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019
10.	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Thời gian	Nội dung
8h30 – 9h00	Đón tiếp đại biểu Kiểm tra tư cách đại biểu, phát tài liệu họp.
9h00 – 9h30	Khai mạc đại hội 1. Tuyên bố lý do; 2. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu; 3. Giới thiệu Đại biểu, Chủ tọa và Đoàn chủ tọa; 4. Thông qua Quy chế Đại hội; 5. Giới thiệu thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu; 6. Thông qua chương trình Đại hội.
9h30 – 10h00	Báo cáo tại Đại hội 1. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh; 2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; 3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
10h00 – 10h30	Trình bày các nội dung cần xin ý kiến Đại hội 1. Tờ trình v/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018; 2. Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019; 3. Tờ trình v/v chi trả thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019. Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2018; 4. Tờ trình v/v lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019; 5. Các nội dung khác (nếu có) thuộc thẩm quyền của Đại hội.
10h30 – 11h00	Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua nội dung đề trình của HĐQT
11h00 – 11h15	Nghỉ giải lao; Kiểm phiếu biểu quyết
11h15 – 11h20	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
11h20 – 11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
11h30	Bế mạc Đại hội


HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ CÔNG ĐỨC

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006; Luật Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản,

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

Công ty	:	Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản
- HĐQT	:	Hội đồng quản trị
- BTC	:	Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu	:	Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.



- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 29/03/2019 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân v.v... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn cũng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền tham dự Đại hội cho người thứ ba tham dự Đại hội.

- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 3 người, bao gồm 01 chủ tọa và 2 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tọa và là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 2 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - Giúp Đoàn Chủ tọa kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
 - Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
 - Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.
3. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 4 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 3 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 4 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 3 thành viên để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng cử viên tham gia ứng cử, đề cử không được tham gia vào ban kiểm phiếu.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.



Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHQĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHQĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018; và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - o Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

- o Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ

4. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 29/03/2019) tổng số cổ phần của Công ty là: 10.800.000 cổ phần tương đương với 10.800.000 quyền biểu quyết.
 - Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty và Khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
 - Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

- Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội sẽ được lưu giữ và được đăng tải trên website của Công ty: www.seaspimex.com.vn để cổ đông có thể truy cập thay cho việc gửi thư trực tiếp đến cổ đông nhằm mục đích tiết giảm chi phí.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2019



L. CÔNG ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

PHẦN I: TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Thuận lợi - khó khăn:

- Năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Giá nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất liên tục biến động tăng do nguồn cung sụt giảm đồng thời cạnh tranh thu gom nguyên liệu giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do nhiều nguyên nhân;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tài chính của Công ty sử dụng hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;
- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng liên tục xuống cấp hư hỏng, tuy nhiên Công ty đã đầu tư bổ sung một số hạng mục phù hợp theo định hướng phát triển như: dây chuyền cấp đông IQF công suất 500 kg/giờ, xây dựng PX tách thịt ghẹ từ ghẹ nguyên con nhằm gia tăng sản lượng;
- Lực lượng lao động phổ thông tiếp tục giảm, số lượng công nhân tay nghề cao càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách thu hút lao động phổ thông, tìm các giải pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, duy trì sản lượng ổn định;
- Bộ máy tổ chức được củng cố, định biên lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

2. Tình hình hoạt động của các lĩnh vực:

a. Về xuất khẩu:

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2018 tương đối ổn định, Công ty vẫn duy trì các thị trường và nhóm khách hàng truyền thống tuy nhiên tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh của các đối thủ trong nước cũng như các quốc gia trong khu vực. Thị trường cá ngừ xuất khẩu vẫn duy trì ở mức giá thấp, nguồn cung nguyên liệu giảm;
- Đối với thị trường Châu Âu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do EU cảnh cáo thẻ vàng từ năm 2017 về việc khai báo nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt;



- Các thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng khác như: ghẹ tương đối ổn định nhưng phải cạnh tranh về giá bán, giá nguyên liệu bạch tuộc tăng cao do sản lượng đánh bắt giảm làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Năm 2018 thị trường đùi ếch có cơ hội mở rộng do Công ty trở lại khai thác thị trường Mỹ sau một thời gian dài gián đoạn.

b. Về gia công:

- Hoạt động gia công ổn định tuy nhiên cũng gặp phải các khó khăn do khách hàng đòi hỏi việc giám sát và xây dựng bộ máy quản lý ở mức độ cao, linh hoạt; hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm ngày càng cao;
- Công ty tiếp tục được tin nhiệm của các đối tác gia công nước ngoài truyền thống: cá hồi đông lạnh, cá Saba đông lạnh, nội địa;
- Nhóm khách hàng gia công nội địa ổn định tuy nhiên sản lượng không cao do khách hàng vẫn khó khăn tìm nguồn nguyên liệu.

c. Kinh doanh nội địa:

- Phòng Kinh doanh nội địa được tinh gọn phù hợp chức trách được giao, tiết giảm chi phí trong lưu thông, tìm cơ hội tiếp cận thêm các nhóm khách hàng;
- Duy trì các sản phẩm chủ lực: cá xốt cà, cá ngừ đóng hộp, thịt đóng hộp;
- Thực hiện kinh doanh các mặt hàng có lợi nhuận, mở rộng các kênh phân phối.

Năm 2018 mặc dù gặp nhiều khó khăn và thách thức, Ban Tổng Giám Đốc đã kịp thời điều chỉnh linh hoạt các phương án kinh doanh, giữ vững sự ổn định bộ máy, tìm các giải pháp tăng trưởng, tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao.

3. Tình hình hoạt động của các đơn vị:

a. Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex:

- Trong năm 2018, tình hình giá nguyên liệu cho 2 mặt hàng chủ lực của Công ty: ghẹ, cá ngừ, biến động liên tục do sản lượng đánh bắt giảm do các điều kiện tự nhiên và các nguyên nhân khách quan khác. Sản lượng nguyên liệu Cá ngừ năm 2018 là: 3.013 tấn giảm gần 30% so với năm 2017 (3.909,2 tấn);
- Đứng trước tình hình đó, Nhà máy liên tục theo dõi và điều chỉnh lại chính sách giá hợp lý để duy trì ổn định các mặt hàng xuất khẩu theo yêu cầu của khách hàng, thông qua các kênh thông tin để tiếp cận tìm kiếm thêm khách hàng mới. Giữ vững các thị trường truyền thống xây dựng mối quan hệ bền vững với nhóm khách hàng lâu năm;
- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác gia công với khách hàng Nhật lâu năm: cá hồi, cá Saba, cũng như các khách hàng gia công trong nước;
- Tổng sản lượng: 6.172,38 tấn. Trong đó:
 - Sản lượng sản xuất: 2.812,03 tấn.
 - Sản lượng gia công: 3.360,35 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:
 - Doanh số xuất khẩu: 13,02 triệu USD bằng 100% năm 2017.
 - Doanh thu toàn Nhà máy: 386,092 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 16,69 tỷ đồng.

b. Chi nhánh Xi nghiệp Thủy sản Ba Tri:

- CN Ba Tri tiếp tục khai thác, duy trì các mặt hàng chủ lực: đui ếch, bạch tuộc, ghẹ.
- Sản lượng sản xuất: 1.384,82 tấn.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:
 - Doanh số xuất khẩu: 6,27 triệu USD bằng 109% năm 2017.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 4,76 tỷ đồng.

c. Chi nhánh Hà Nội:

- Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.
- Kết quả kinh doanh năm 2018:
 - Doanh thu thực hiện: 11,05 tỷ đồng bằng 117% năm 2017.
 - Lợi nhuận đạt giá trị: 0,77 tỷ đồng.

4. Kết quả thực hiện năm 2018 và dự kiến kế hoạch năm 2019:

a. Kết quả thực hiện năm 2018:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2018	2017	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	13,97	13,02	13,06	93	99,7
2. Doanh thu	Tỷ đồng	447,08	386,09	379,18	86	101,8
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.384,00	2.812,03	2.895,38	83	97,1
4. Gia công	Tấn	3.250,00	3.360,35	3.238,84	103	103,8
II. CHI NHÁNH XI NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	5,34	6,27	5,76	117	108,9
2. Doanh thu	Tỷ đồng	155,08	193,03	180,49	124	107,0
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.384,82	1.313,10	120	105,5
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,35	11,05	9,44	98	117,0
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
2. Doanh thu	Tỷ đồng	613,50	590,10	569,10	96	103,7
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.534,00	4.196,85	4.208,50	93	99,7
4. Gia công	Tấn	3.250,00	3.360,40	3.238,80	103	103,8
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	22,22	15,74	148	141,2

598530
CÔNG TY
PHÂN
ĐẶC SẢN
P. HỒ CHÍ

b. Kế hoạch năm 2019:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	
			Giá trị	S. sánh KH/2018 (%)
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	13,02	14,30	110
2. Doanh thu	Tỷ đồng	336,09	424,70	110
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	2.812,03	2.815,00	100
4. Gia công	Tấn	3.350,35	3.539,00	105
II. CHI NHÁNH XI NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	6,27	6,90	110
2. Doanh thu	Tỷ đồng	192,98	212,30	110
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.384,82	1.385,00	100
III. CHI NHÁNH HẢI NỘI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,05	12,16	110
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)				
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	19,29	21,20	110
2. Doanh thu	Tỷ đồng	590,13	649,16	110
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.196,85	4.200,00	100
4. Gia công	Tấn	3.360,35	3.539,00	105

PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:**1. Thuận lợi và khó khăn:****a. Thuận lợi:**

- Hoạt động gia công tiếp tục nhận được sự tin cậy của khách hàng nước ngoài, quản lý chất lượng được cải tiến liên tục và nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài;
- Thị trường xuất khẩu và nội địa các sản phẩm đóng hộp vẫn còn tiềm năng khai thác.

b. Khó khăn:

- Lực lượng lao động khó tuyển dụng, năng suất lao động thấp, thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề;
- Nguồn nguyên liệu ngày càng khan hiếm do khai thác quá mức của các năm trước đây, ngư trường bị thu hẹp và chi phí lặn cao ngư dân ít đi biển hoặc chuyển sang khai thác các loài khác.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Theo dự báo năm 2019 sẽ là năm tiếp tục đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước tình hình này, Ban Tổng Giám Đốc đã hoạch định chỉ tiêu chính cho năm 2019 như sau:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	424,70	14,30	2.815	3.539
2	Chi nhánh Ba Tri	212,30	5,90	1.385	
3	Chi nhánh Hà Nội	12,16			
Tổng cộng		649,16	21,20	4.200	3.539

Tổng lợi nhuận toàn Công ty năm 2019: 16,5 tỷ đồng (lợi nhuận trước thuế)

3. Các kiến nghị và giải pháp:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí sản xuất;
- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả cao đặc biệt thị ghe đóng hộp thanh trùng;
- Giữ vững thị phần và tìm giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường nội địa;
- Từng bước nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị, hạ tầng của nhà máy để nâng cao năng suất lao động;
- Xây dựng chính sách để thu hút nguồn lao động phổ thông theo kịp tốc độ gia tăng sản xuất của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Cổ công;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT. 



LÊ CÔNG ĐỨC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị xin báo cáo với các cổ đông Công ty về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Công ty năm 2018, đồng thời định hướng hoạt động năm 2019 với các nội dung như sau:

I. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2018:

- Năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn tiếp tục cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu và nội địa;
- Giá nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất liên tục biến động tăng do nguồn cung sụt giảm đồng thời cạnh tranh thu gom nguyên liệu giữa các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành, khu vực đánh bắt bị thu hẹp do nhiều nguyên nhân;
- Máy móc thiết bị cũ không đồng bộ, năng suất lao động thấp, khó tuyển dụng lao động phổ thông;
- Tài chính của Công ty sử dụng hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay;
- Sau 10 năm hoạt động cơ sở hạ tầng liên tục xuống cấp hư hỏng, tuy nhiên Công ty đã đầu tư bổ sung một số hạng mục phù hợp theo định hướng phát triển như: dây chuyền cấp đông IQF công suất 500 kg/giờ, xây dựng PX tách thịt ghẹ từ ghẹ nguyên con nhằm gia tăng sản lượng;
- Lực lượng lao động phổ thông tiếp tục giảm, số lượng công nhân tay nghề cao càng ít dẫn đến năng suất lao động thấp, thời gian làm việc kéo dài. Công ty đã cố gắng đưa ra các chính sách thu hút lao động phổ thông, tìm các giải pháp cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, duy trì sản lượng ổn định;
- Bộ máy tổ chức được củng cố, định biên lực lượng lao động gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập thể CBCNV đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

Các chỉ tiêu thực hiện năm 2018:

Nội dung	DVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2018	2017	Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPILEX						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	13,97	13,02	13,06	93	99,7
2. Doanh thu	Tỷ đồng	447,08	386,09	379,18	86	101,8
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	3.384,00	2.812,03	2.895,38	83	97,1
4. Gia công	Tấn	3.250,00	3.360,35	3.238,84	103	103,8



Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2018	2017	Kế hoạch	Cùng kỳ
II. CHI NHÁNH XI NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh số xuất khẩu	Triệu USD	5,34	6,27	5,76	117	108,9
2. Doanh thu	Tỷ đồng	155,08	193,03	180,49	124	107,0
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	1.150,00	1.384,82	1.313,10	120	105,5
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11,33	11,05	9,44	98	117,0
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)						
2. Doanh thu	Tỷ đồng	613,50	590,10	569,10	95	103,7
3. Sản lượng sản xuất	Tấn	4.534,00	4.196,85	4.208,50	93	99,7
4. Giá công	Tấn	3.250,00	3.360,40	3.238,80	103	103,8
5. Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,00	22,22	15,74	148	141,2

II. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành:

2.1 Báo cáo hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã triển khai 06 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp gián tiếp để lấy ý kiến, tập trung chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ kịp thời công tác điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cty;
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

2.2 Thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018:

- Hoàn thành vượt Kế hoạch SXKD năm 2018 với tổng lợi nhuận là 22,22 tỷ đồng (lợi nhuận không bao gồm lỗ lũy kế);
- Thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT Công ty năm 2018 theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua là 360.000.000 đồng/năm (ba trăm sáu mươi triệu đồng);
- Thực hiện ký Hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) để lập báo cáo kiểm toán năm 2018 cho Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản;
- Năm 2018, HĐQT có 01 thành viên kiêm nhiệm công tác điều hành là Ông Lê Công Đức – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty. Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho thành viên HĐQT kiêm nhiệm công tác điều hành với tổng số tiền là: 624.483.023 đồng.

III. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Với sự thuận lợi do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty, điều hành trực tiếp việc sản xuất của Công ty, nên HĐQT đã thường xuyên bám sát, theo dõi, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt, chỉ đạo một số nội dung chính như sau:
 - ✓ Phê duyệt kế hoạch SXKD, tài chính, đơn giá lương, mức lương Ban Tổng Giám đốc và các vị trí khác thuộc thẩm quyền;
 - ✓ Phê duyệt các nội dung về vay vốn, hạn mức tín dụng vay tại các ngân hàng;
 - ✓ Chỉ đạo hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính kiểm toán, Báo cáo thường niên và công bố thông tin theo đúng quy định;
 - ✓ Phê duyệt, thông qua kế hoạch, nội dung, tài liệu, thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

IV. Báo cáo tình hình quản trị công ty

1. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

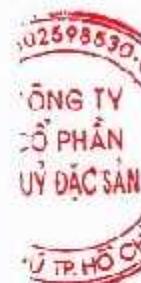
Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã triển khai 06 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 02 cuộc họp gián tiếp:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Công Đức	Chủ tịch	5/6	100,00	
2	Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	1/3	33,33	Vắng mặt có lý do
3	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	6/6	100,00	
4	Ông Cao Thanh Định	Thành viên	6/6	100,00	
5	Ông Trần Phước Thái	Thành viên	6/6	100,00	
6	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	3/3	100,00	

HĐQT thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.



Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/18/NQ/TES/HĐQT	22/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Bảng BC KQSXKD năm 2017 của TGD. Thông nhất Kế hoạch SXKD năm 2018 của BTGD. Thông nhất thưởng cho TGD 01 tháng lương công việc, BLĐ ¼ tháng lương công việc vì đã hoàn thành kế hoạch về chỉ tiêu lợi nhuận năm 2017.
2	12/18/NQ/TES/HĐQT	29/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua BCTC năm 2017 đã được kiểm toán. Thông nhất việc tổ chức ĐHCĐ TN năm 2018. Thông qua dự thảo Quy chế đãi cử, ứng cử, bầu cử TV HĐQT và KSV nhiệm kỳ 2018-2023. Thông nhất: chủ trương “Đầu tư dây chuyền cấp đông nhanh (IQF) công suất 500kg/giờ.
3	13/18/QĐ/TES/HĐQT	02/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thành lập BTC ĐHCĐ TN năm 2018.
4	23/18/NQ/TES/HĐQT	11/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nội dung Tài liệu họp dự thảo ĐHCĐ 2018 Thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa dự kiến điều hành DIL.
5	39/18/NQ/TES/HĐQT	20/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo KQ hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm 2018. Thông nhất việc tập trung tìm kiếm nguồn nguyên liệu giá tốt cho sản phẩm xúc xích. Thông nhất việc tìm kiếm nhân sự cao cấp bổ sung vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Cty.
6	45/18/NQ/TES/HĐQT	12/10/2018	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo KQ hoạt động SXKD 09 tháng đầu năm 2018. Thông nhất chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty với tỷ lệ tăng vốn dự kiến là 20%. Giao cho ông Cao Thanh Định – Thành viên HĐQT phối hợp với Ban kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty triển khai phương án tăng vốn điều lệ theo đúng quy định và trình ĐHCĐ thông qua trong kỳ họp ĐHCĐ thường niên năm 2019.

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị năm 2018:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
Tổng cộng					240.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2018:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	CTCP Đầu tư Vina	Tổ chức có quan hệ với TV HĐQT	510.000	4,72	1.402.900	12,99	Tăng tỷ lệ nắm giữ

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ trong năm 2018: không có

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019)

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 58/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản;

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty niên độ tài chính từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN),

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông của Công ty về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản như sau:

I. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính niên độ từ 01/01/2018 - 31/12/2018:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu VND

Nội dung	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH2018/ KH2018	TH2018/ TII2017
1	2	3	4	5	6
Tổng doanh thu	530.957	613.500	553.638	90,24%	104,27%
Lợi nhuận trước thuế	15.392	15.000	22.221	148,14%	144,38%
Lợi nhuận sau thuế	15.234	12.000	20.196	168,30%	132,57%
Lãi cơ bản trên CP(EPS)	1.411 đồng		1.870 đồng		132,53%
Cổ tức					

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 553.638 triệu đồng (đạt 90,24% so với kế hoạch), tăng 4,27% so với năm 2017.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2018 là 22.221 triệu đồng (vượt 48,14% so với kế hoạch), tăng 44,38% so với năm 2017.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018 là 20.196 tỷ đồng (vượt 68,30% so với kế hoạch), tăng 32,57% so với năm 2017.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2018 là 1.870 đồng, năm 2017 là 1.411 đồng, tăng 459 đồng, tương đương tăng 32,53% so với năm trước.

2. **Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2018:**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tóm tắt)

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	31/12/2018	31/12/2017	Ghi chú
A. Tài sản ngắn hạn	224.270.603.686	149.678.053.555	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	29.170.887.554	45.837.600.758	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	99.741.630.826	52.287.188.394	
IV. Hàng tồn kho	87.407.563.505	44.511.749.887	
V. Tài sản ngắn hạn khác	7.950.521.801	7.041.514.516	
B. Tài sản dài hạn	158.934.517.913	162.538.593.358	
Tài sản cố định vô hình	20.503.990.080	19.250.729.039	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	383.205.121.599	312.216.646.913	
NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	246.806.491.990	198.145.147.263	
I. Nợ ngắn hạn	246.806.491.990	198.145.147.263	
II. Nợ dài hạn			
D. Vốn chủ sở hữu	136.398.629.609	114.071.499.650	
I. Vốn chủ sở hữu	136.398.629.609	114.071.499.650	
1. Vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	108.000.000.000	108.000.000.000	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (C+D)	383.205.121.599	312.216.646.913	

330259
CÔNG
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
PHÚ TH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ NỘI LỰC CỦA CÔNG TY

STT	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	2018	2017	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,91	0,76	
2	Tỷ lệ số Nợ/Tổng tài sản	64,41%	63,46%	
3	Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu	180,95%	183,47%	
4	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	5,27%	4,88%	+0,39%
5	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS)	3,67%	2,89%	+0,78%
6	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	14,81%	13,35%	+1,46%
7	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (Đồng)	12.629	10.562	+2.067

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 là 0,91 < 1 cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty là chưa được tốt. Nhưng hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 khá hơn hệ số thanh toán ngắn hạn 2017 là 0,76. Công ty cần cơ cấu lại các khoản nợ giữa ngắn hạn và dài hạn cho phù hợp hơn để tránh những áp lực trong thanh toán ngắn hạn.

- Qua các hệ số nợ cho thấy tình hình nợ của Công ty là tương đối đảm bảo, an toàn so với tổng tài sản.

- Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS) năm 2018 là 3,67%, tăng 0,78% so với năm 2017 (2,89%).

- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2018 là 14,81% tăng 1,46% so với năm 2017 là 13,35%.

- Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu năm 2018 là 12.629 đồng, năm 2017 là 10.562 đồng, tăng 2.067 đồng mỗi cổ phiếu.

II. Kết quả các hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát:

1. Đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đảm bảo chế độ họp định kỳ theo đúng quy định và các cuộc họp đột xuất khi có nhu cầu, đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình và ban hành các Nghị quyết theo đúng thẩm quyền, tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ Ban điều hành trong thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018.

- Trong năm 2018 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Hội đồng quản trị hay cá nhân các thành viên HĐQT.

2. Đối với các hoạt động của Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc và các bộ phận khác tổ chức thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, chấp hành đầy đủ và nghiêm túc những quy định pháp luật về chế độ công bố thông tin của công ty đại chúng, báo cáo tài chính, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động và những chính sách về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho người lao động tại Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với nội dung Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả SXKD năm 2018.

- Trong năm 2018 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Tổng Giám đốc hay các bộ phận khác của Công ty.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông:

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi để thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.

- Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có thông báo đến Ban kiểm soát, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2018 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát.

- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT.

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo.

- Trong năm 2018 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

3530-C
TY
HÀN
CSAN.
HỒ CH

IV. Hoạt động của Ban kiểm soát ("BKS"):

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2018 theo đúng pháp luật của nhà nước.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2018 là 96.000.000 đồng.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát trước ĐHĐCĐ thường niên 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.



Phạm Văn Tranh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
SEASPIMEX VIETNAM

Số: 20/19/TTr/TĐS/HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên nội dung sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nara Việt, ký ngày 22 tháng 03 năm 2019.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT. *LCM*



LÊ CÔNG ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Khái quát

Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty Xuất nhập khẩu Thủy đặc sản theo Quyết định số 53/2002/QĐ-ITg ngày 11 tháng 01 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103000946, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2002. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản, ương cá giống (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến và bảo quản rau quả. Chi tiết: Dịch vụ bảo quản rau quả và thực phẩm các loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán mô tô, xe máy. Chi tiết: Mua bán mô tô, xe máy;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá (không hoạt động tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, kho lạnh, hệ thống điều hòa trung tâm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (tứ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh thủy hải sản, thức ăn ruồi thủy sản và gia súc, gia cầm. Mua bán nông lâm thủy hải sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép, kim loại màu, sản phẩm gỗ, kim khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị phục vụ nhà hàng, khách sạn;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán máy tính và linh kiện phụ tùng, phần mềm máy tính....

Trụ sở chính của Công ty tại số Số 51/14 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính năm 2018.

28530

G. T. V.
H. H. S.
A. C. S.

P. H. C.

113884
CÔNG TY
NHÀ NƯỚC
VỤ TƯ
LẬP KẾ
TÍNH TÀI
AM VIỆT
P. H. C.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Công Đức	Chủ tịch	
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên	
Ông Cao Thanh Định	Thành viên	
Ông Trần Phước Thái	Thành viên	
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	Từ ngày 24/04/2018
Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	Đến ngày 24/04/2018

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Công Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Phạm Văn Tranh	Trưởng ban	Từ ngày 24/04/2018
Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng ban	Đến ngày 24/04/2018
Bà Lê Thị Tuyền	Thành viên	Đến ngày 24/04/2018
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	
Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên	Từ ngày 24/04/2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 39 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Công Đức
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019



Số : 85/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Dàn thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu có gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngược lại, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.10 trang 39 phần thuyết minh báo cáo tài chính như sau: Theo công văn số 9588/S1C-BVG ngày 15/12/2015 của Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh thì Sở Tài chính đã đề nghị Cục thuế Thành Phố Hồ Chí Minh xác định lại khoản chênh lệch giữa giá thuê đất và giá Công ty CP Thủy đặc sản cho thuê lại khu đất 16.397m2 tại 213 Hòa Bình, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú để thu hồi (nếu có). Đến thời điểm phát hành báo cáo này Sở tài chính, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi Cục Thuế Quận Tân Phú vẫn chưa đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



Cao Thị Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2018-152-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2018-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		224.270.603.686	149.678.053.555
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.170.887.554	45.837.600.758
1. Tiền	111		29.170.887.554	45.837.600.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.741.630.826	52.287.188.394
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	97.356.814.091	51.193.347.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.043.674.335	861.267.350
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.517.518.273	5.408.949.873
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5.176.375.873)	(5.176.375.873)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	87.407.563.505	44.511.749.887
1. Hàng tồn kho	141		87.604.038.135	44.825.825.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(196.474.630)	(315.076.872)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.950.521.801	7.041.514.516
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	316.408.301	405.611.561
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.939.966.576	5.941.756.031
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	694.146.924	694.145.924
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.934.517.913	162.538.593.358
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

25986
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐẶC
SẢN
TP. HCM
213889
CÔNG TY
THẨM ĐỊNH
VIỆT NAM
CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT
NAM
HỘI KẾ TÍNH
TOÁN VIỆT
NAM
TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
II. Tài sản cố định	220		155.503.136.094	159.697.097.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	134.999.145.014	140.446.368.165
- Nguyên giá	222		248.179.678.235	243.627.948.774
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(113.180.532.221)	(103.181.580.609)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.503.990.080	19.250.729.039
- Nguyên giá	228		25.313.568.000	26.091.773.833
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.809.577.920)	(6.841.049.794)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	655.700.000	1.553.567.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		655.700.000	1.553.567.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	116.230.738	116.230.738
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		116.230.738	116.230.738
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.659.451.081	1.171.698.052
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.659.451.081	1.171.698.052
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		383.205.121.599	312.216.646.913

SO. C. 1
V. V. AN.
CH. V.

C. T. P. N.
AN.
AN.
N.
H. MINH.

BẢNG CÂN ĐỐI KÈ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		246.806.491.990	198.145.147.263
I. Nợ ngắn hạn	310		246.806.491.990	198.145.147.263
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	60.147.395.875	33.214.934.914
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.036.842.317	4.389.509.780
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.902.666.449	3.096.013.136
4. Phải trả người lao động	314		16.854.774.505	17.133.715.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.448.867.692	1.704.866.021
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.017.342.900	970.514.371
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	156.395.677.570	137.450.668.590
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.924.682	184.924.682
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.398.629.609	114.071.499.650
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	136.398.629.609	114.071.499.650
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		108.000.000.000	108.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.800.000.000	10.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.446.988.961	8.446.988.961
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.151.640.648	(13.175.489.311)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(11.044.930.671)	(28.409.846.963)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.196.571.319	15.234.351.652
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		383.205.121.599	312.216.646.913

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bảo Ân

Đặng Thị Ngọc Bích

Lê Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	553.638.889.074	530.957.454.406
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.897.561.913	4.411.293.632
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	549.741.327.161	526.546.160.774
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	478.432.973.938	463.672.824.968
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.308.353.223	62.873.335.806
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	1.579.919.109	938.521.915
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	6.706.947.348	5.268.107.820
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.953.950.641	4.672.949.196
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	28.996.706.213	28.020.475.912
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	14.559.666.790	11.776.109.455
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.624.951.981	15.747.164.534
11. Thu nhập khác	31	VI.8	198.253.552	320.347.780
12. Chi phí khác	32	VI.9	602.147.875	675.608.736
13. Lợi nhuận khác	40		(403.894.323)	(355.260.956)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.221.057.658	15.391.903.578
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	2.024.486.339	157.551.926
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.196.571.319	15.234.351.652
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.870	1.411
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.870	1.411

Người lập biểu



Nguyễn Thị Bảo Ân

Kế toán trưởng



Đặng Thị Ngọc Bích



Trưởng Giám đốc



Lê Công Đức

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.221.057.658	15.391.903.578
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12.328.057.774	12.243.338.152
- Các khoản dự phòng	03		(118.602.242)	(828.531.504)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		22.889.484	132.003.899
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		22.985.358	(210.995.635)
- Chi phí lãi vay	06		3.953.950.641	4.672.949.496
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.430.338.673	31.400.667.966
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.403.034.110)	27.762.149.998
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.780.584.319)	18.944.946.666
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		28.175.653.540	(26.293.904.891)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.598.549.769)	(787.033.937)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.984.900.117)	(4.747.428.360)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(167.589.656)	(204.730.826)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(182.000.000)	(398.306.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.310.665.758)	45.676.359.947
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.347.424.298)	(6.625.064.657)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		170.000.001	361.597.790
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		48.768.279	77.163.855
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.128.656.018)	(6.186.303.012)

5982

NG 1
PHÁ
ĐẶC

TP. H

1302

ÔNG T
MÈN B
VỤ T
NH K
CÁN T
M V
P. HỒ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		333.683.787.853	291.164.263.550
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(314.738.778.873)	(317.682.987.710)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(103.255.000)	(166.285.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.841.743.980	(26.685.009.160)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.597.577.796)	12.805.047.775
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		45.837.600.758	33.032.552.983
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(69.135.408)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	29.170.887.554	45.837.600.758

Người lập biểu

AK

Nguyễn Thị Bảo Ân

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Ngoc Bich

Đặng Thị Ngọc Bích

Tổng Giám đốc



Lê Công Đức

30
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐẶC SẢN
3 CH

C.T.C.P.
THỦY ĐẶC SẢN
T. HỒ CHÍ MINH

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

V/v Phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017;
- Căn cứ vào Biên bản thanh tra thuế niên độ 2013, 2014, 2015 ngày 23/01/2019;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông v/v phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch PPLN năm 2019, cụ thể như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2018:

- Lợi nhuận sau thuế (LNST)	9.151.640.648	đồng
- Trả cổ tức cho cổ đông 5% / Vốn điều lệ	5.400.000.000	đồng
- Quỹ thưởng Ban điều hành 10% LN vượt	722.105.766	đồng
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi 10% LNST	915.164.065	đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	0	đồng
- Lợi nhuận còn lại chuyển sang kỳ sau	2.114.370.817	đồng

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019. HĐQT Công ty dự kiến như sau:

- Lợi nhuận sau thuế (LNST)	13.200.000.000	đồng
- Trả cổ tức cho cổ đông 5% / Vốn điều lệ	5.400.000.000	đồng
- Trích lập các Quỹ <5% LNST	5.940.000.000	đồng
- Lợi nhuận còn lại chuyển sang kỳ sau	1.860.000.000	đồng

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ CÔNG ĐỨC

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v Chi trả thù lao của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát,

Thư ký HĐQT năm 2018 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019

Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kính trình Đại hội đồng cổ đông v/v chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT và kế hoạch năm 2019; báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2018, cụ thể như sau:

I. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT:

1. Báo cáo thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2018:

Trong năm 2018, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) đúng theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua, cụ thể như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2018:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	12	4.000.000	48.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	2.000.000	48.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng					360.000.000 (1)

2. Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Cty năm 2018:

Năm 2018, Ban điều hành Công ty bao gồm 04 thành viên trong đó có:

- 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty);
- 03 (ba) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (02 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);
- Năm 2018, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Tổng Giám đốc với số tiền: 576.483.023 đồng.
- Tổng mức lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2018 là: **1.561.485.749 đồng** (Một tỷ năm trăm sáu mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi chín đồng) (2)

3. Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT; lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2018 là:

(1) + (2) = 1.921.485.749 đồng (Một tỷ chín trăm hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi chín đồng)

II. Kế hoạch chi trả thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2019:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	4.000.000	48.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	4.000.000	192.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	12	4.000.000	48.000.000
4	Thành viên BKS	02	12	2.000.000	48.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	2.000.000	24.000.000
Tổng cộng					360.000.000

Kế hoạch chi trả tổng số thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2019 với tổng mức chi là 360.000.000 đồng/năm (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT. *LSW*



LÊ CÔNG ĐỨC

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
V/v Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017,

Để tạo điều kiện thuận lợi và chủ động trong việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy Đặc sản, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách Doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Bộ Tài Chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty;

2. Hội đồng Quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh để lựa chọn đơn vị kiểm toán;

3. Tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn phải được Ban kiểm soát chấp thuận bằng văn bản.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHQĐĐ;
- Lưu VT.



Phạm Văn Tranh



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ bổ sung và sửa đổi của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tháng 04/2017;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản ngày 19 tháng 04 năm 2019,

Ngày 19/04/2019, tại Hội trường Nhà khách T78, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức với sự tham gia của cổ đông sở hữu cổ phần chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Một số chỉ tiêu chính về Kế hoạch năm 2019 như sau:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	424,70	14,30	2.815	3.539
2	Chi nhánh Ba Trĩ	212,30	6,90	1.385	
3	Chi nhánh Hà Nội	12,16			
Tổng cộng		649,16	21,20	4.200	3.539

Tổng lợi nhuận toàn Công ty năm 2019: 16,5 tỷ đồng (LN trước thuế)

Điều 2: Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.



- Điều 3:** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.
Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 4:** Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.
Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 5:** Thông qua Tờ trình v/v Phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019.
Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 6:** Thông qua Tờ trình v/v chi trả thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS, thư ký HĐQT và kế hoạch chi trả thù lao năm 2019. Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban điều hành Cty năm 2018.
Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 7:** Thông qua Tờ trình v/v Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản năm 2018.
Số cổ phần tán thành là cổ phần, chiếm tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Điều 8:** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản diễn ra ngày 19 tháng 04 năm 2019 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Cổ đông của CTCP Thủy Đặc Sản; Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thành viên Ban Kiểm soát và Ban Điều hành CTCP Thủy Đặc Sản chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.



Nơi nhận:

- Cổ đông (đăng trên Website Cty);
- UBCKNN, SGDCKHN;
- TV HĐQT, BKS;
- BĐH Cty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
CHỦ TỊCH HĐQT**